TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 7 – 2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đệ
Các vị Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Hoàng Bé
Ông Nguyễn Tấn Lộc
- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Ngọc San là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023. Về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 (Có mặt)
Địa chỉ cư trú: Khóm NH, thị trấn CN, huyện CN, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh Trần Văn B, sinh năm 1985 (Vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp KL, xã ĐT, huyện CN, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11 – 02– 2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Về hôn nhân*:* Chị và anh Trần Văn B kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Anh B thường xuyên đi nhậu không chăm lo cho gia đình, chị đã khuyên anh B nhiều lần nhưng anh B không thay đổi. Gia đình hai bên đã tổ chức hàn gắn nhưng chị và anh B không thể tiếp tục chung sống được với nhau. Nay xét thấy đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị và anh B có 02 người con chung tên Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/9/2016 và Trần Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/5/2019, hiện các con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi các con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh B tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Văn B, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập anh B để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng anh B vắng mặt không lý do.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn B là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Văn B có địa chỉ tại ấp Kinh Lớn, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập anh Trần Văn B hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng anh B vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử vắng mặt đối với anh B theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn B kết hôn vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Do đó, hôn nhân của chị M và anh B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn của chị M và anh B thực sự có xảy ra trong thời gian dài nhưng không hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã thông báo cho anh B biết về yêu cầu ly hôn của chị M nhưng anh B không tham gia phiên tòa và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu xin ly hôn của chị M, cho thấy anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn giữa chị M và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh B là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy, hiện tại cháu Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/9/2016 và Trần Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/9/2019 do chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định về đời sống, chị M có đủ điều kiện để nuôi con.

Chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con sau khi ly hôn, anh B đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con của chị M nhưng anh B không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu nuôi con của chị M phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận, giao các con Trần Thị Bảo Tr và Trần Nguyễn Thành Đ cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Tại đơn khởi kiện chị M yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi 02 con với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, chị M không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi các con. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M xác định chị M và anh B tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M xác định chị M và anh B không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với anh B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, anh B không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị M phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Bảo Tr, sinh ngày 08/9/2016 và Trần Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/5/2019 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008806 ngày 13/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Nước chị M đã nộp đủ. Anh Trần Văn B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn Cái Nước;
- Đương sự;
- Lưu VP-HS.

Nguyễn Văn Đệ